

SỐ 1510 (BIỆT BẢN)

LUẬN KIM CANG BÁT-NHÃ
(Cũng gọi là Kim Cang Năng Đoạn Bát-nhã)

Tác giả: Bồ-tát Vô Trước

Hán dịch: Đời Tùy, Tam tạng pháp sư Đạt Ma Cấp Đa.

QUYỂN THƯỢNG

*Phật pháp xuất hiện, không gì sánh,
Là đệ nhất thấu rõ pháp giới
Tụ ý nghĩa Kim cang khó hoại
Hết thấy Thánh nhân vào được.
Là Tiểu Kim Cang Ba-la-mật,
Tên như vậy, hiện rõ uy thế,
Giáo và nghĩa bực Trí đã nói,
Nghe xong, chuyển thành chúng ta nói,
Thân nương về Phật và bực Trí,
Đâu đem chính tâm, mà đánh lễ
Ta nên siêng năng, lập nghĩa ấy,
Vì tự, tha nói mà nối nhau giải thích.*

Luận rằng: Bảy thứ cú nghĩa đã thành lập rồi, với Bát-nhã Ba-la-mật này được thành lập là do bảy cú nghĩa. Bảy cú nghĩa là:

1. Chủng tánh không dứt.
2. Phát khởi hành tướng.
3. Nơi tu hành trụ vào
4. Đối trị.
5. Không mất.
6. Địa.
7. Đặt tên.

Bảy ý nghĩa trên, được thành lập trong kinh Bát-nhã Ba-la-mật, nên gọi là cú nghĩa. Sáu ý nghĩa đầu là nêu rõ việc làm của Bồ-tát đạt

đến rốt ráo. Cú nghĩa thứ bảy là nêu rõ việc lập pháp môn này. Nên biết như thế. Bát-nhã Ba-la-mật ấy là hạt giống Phật không dứt, luôn được lưu hành trên đời. Vì nêu rõ ý nghĩa chủng tánh Phật không bị dứt, luôn được lưu hành nơi thế gian; nên đầu tiên Tu-bồ-đề đã nói: “Thật hi hữu thay! Bạch Thế Tôn! Đức Như Lai Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, rất khéo hộ niệm cho các Bồ-tát, khéo phó chúc cho các Bồ-tát. v.v...”

Cú nghĩa “Phát khởi hành tướng” là như kinh nói: Vì sao Bồ-tát trong Đại thừa phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác v.v...

Cú nghĩa “Nơi tu hành trụ vào” là nơi phát khởi hành tướng an trụ. Nghĩa này có mười tám thứ (môn) nên biết.

1. Phát tâm, kinh nói: “Các Bồ-tát sinh tâm như vậy: Hết thủy chúng sinh có được như thế v.v...”

2. Hành tướng ứng với Ba-la-mật, kinh nói: Khi làm việc bố thí không để mình vướng mắc vào việc ấy v.v...

3. Mong được sắc thân, kinh nói: “Tu-bồ-đề! Thầy nghĩ sao? Có thể thấy Như Lai bằng tướng thành tựu chăng? v.v...”

4. Mong được pháp thân, kinh nói: “Tu-bồ-đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Ở đời vị lai, có những chúng sinh v.v...”

5. Tu hành đạt thù thắng mà không kiêu mạn, kinh nói: “Tu-đà-hoàn thường nghĩ như vậy v.v...”

6. Không rời Phật khi ngài ra đời, kinh nói: “Thầy nghĩ sao? Ngày xưa, khi Như Lai ở chỗ Phật Nhiên Đăng v.v...”

7. Nguyên làm thanh tịnh cõi Phật, kinh nói: “Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát nói như vậy: Ta làm trang nghiêm cõi nước Phật v.v...”

8. Thành thực chúng sinh, kinh nói: “Tu-bồ-đề! Thí như người có thân như núi chúa Tu-di v.v...”

9. Lìa bỏ việc chạy theo ngoại luận tán loạn, kinh nói: “Tu-bồ-đề! Thầy nghĩ sao? Như sông Hằng có hết thủy bao nhiêu số cát như vậy”.

10. Dùng quán tưởng phá tan sự tương ứng về chấp chặt giữa sắc và thân chúng sinh, kinh nói: “Tu-bồ-đề! Thầy nghĩ sao? Hết thủy có bao nhiêu vi trần trong ba ngàn đại thiên thế giới v.v...”

11. Cúng dường hầu hạ Như Lai, kinh nói: “Tu-bồ-đề! Thầy nghĩ sao? Có thể nhìn Như Lai bằng ba mươi hai tướng của bậc đại nhân chăng?”

12. Xa lìa lợi dưỡng, mệt mỏi, bực bội, không khởi tinh tấn, lại lui mất, kinh nói: “Tu-bồ-đề! Nếu có thiện nam, thiện nữ, lấy thân mình nhiều như cát sông Hằng v.v...”

13. Nhẫn chịu khổ, kinh nói: Như Lai nói Nhẫn Ba-la-mật v.v...

14. Lìa vị vắng lặng, kinh nói: “Tu-bồ-đề! Nếu có thiện nam, thiện nữ, thường thọ trì, đọc tụng, tu hành pháp môn này v.v...”

15. Xa lìa sự vui mừng, loạn động, khi chứng đạo, kinh nói: Thừa Thế Tôn! Vì sao Bồ-tát phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác v.v...

16. Cầu được người dạy trao: kinh nói: “Ông nghĩ sao? Như Lai ở chỗ Phật Nhiên Đăng, có pháp nào để chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác v.v...”

17. Chứng đạo, kinh nói: “Thí như có người thân to lớn vì diệu v.v...”

18. Cầu thành Phật, kinh nói: “Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát nói như vậy: Tôi trang nghiêm cõi nước Phật, ấy không gọi là Bồ-tát v.v...”

Các trụ xứ ấy, nói gọn có tám thứ cũng đầy đủ:

1. Trụ xứ gồm thâu.
2. Trụ xứ Ba-la-mật tịnh.
3. Trụ xứ Dục.
4. Trụ xứ lìa chướng ngại.
5. Trụ xứ tịnh tâm.
6. Trụ xứ Cứu cánh.
7. Trụ xứ quảng đại.
8. Trụ xứ thâm diệu.

- Trụ xứ gồm thâu gọi là phát tâm.

- Trụ xứ Ba-la-mật tịnh gọi là Ba-la-mật tương ứng với hành.

- Trụ xứ Dục là muốn được sắc thân, pháp thân.

- Trụ xứ lìa chướng ngại là mười hai thứ tiếp theo.

- Trụ xứ Tịnh tâm, gọi là chứng đạo.

- Trụ xứ Cứu cánh, là trên cầu quả Phật.

- Trụ xứ quảng đại và thâm diệu là thông hợp hết thủy trụ xứ khác.

Trong trụ xứ đầu, nếu nói: “Bồ-tát sinh tâm như vậy: có bao nhiêu chúng sinh v.v...” thì đấy là quảng đại. Còn nói: “Nếu Bồ-tát có tướng chúng sinh v.v...” thì đó là thâm diệu.

Đối với trụ xứ thứ hai, nếu nói: “Bồ-tát chẳng trụ vào sự mà bố thí. v.v...” thì đấy là thâm diệu. Còn nếu nói: “Có nhiều phước đức không thể nghĩ lường v.v...” thì đấy là quảng đại.

Như vậy; trong các trụ xứ khác, thì quảng đại hay thâm diệu tùy ở chỗ tương ứng nhau. Đã nói xong trụ xứ.

Cú nghĩa “Đối trị” là sự tương ứng của hành tướng khi thực hành

các trụ xứ. Có hai thứ đối trị, nên biết: Tà hành, và cộng kiến chánh hạnh. Ở đây “Kiến” là phân biệt.

Nơi trụ xứ đầu, nếu nói: “Bồ-tát nên sinh tâm như vậy, có bao nhiêu chúng sinh v.v...” thì đây là đối trị tà hành. “Do sinh tâm như thế”, là Bồ-tát tà hành. Còn như nói: “Nếu Bồ-tát có ý tưởng về chúng sinh v.v...” thì đây là đối trị cộng kiến chính hạnh. Ở đây, cái phân biệt, chấp mình là Bồ-tát, cũng phải chặt đứt, như câu nói: Ta nên diệt độ chúng sinh.

- Ở trụ xứ thứ hai, nếu nói: “Nên làm việc bố thí, thì đây là đối trị tà hành, chẳng phải nơi bố thí là Bồ-tát tà hành. Nếu lại nói: Trụ vào sự v.v...” thì đây là đối trị cùng thấy chánh hành, ở đây sự phân biệt, chấp mình là Bồ-tát, cũng phải chặt đứt, nghĩa là nên làm việc Bố thí.

Cú nghĩa “Không mất” nghĩa là lia hai bên. Thế nào là hai bên? Là bên tăng ích và bên tổn giảm.

Nếu ở trong pháp như ngôn từ mà phân biệt, chấp có tự tính là bên tăng ích. Còn đối với sự trong pháp Vô ngã mà chấp là không, thì là bên tổn giảm. Nếu nói: Thừa Thế Tôn: Nếu tụ phước, không phải là tụ phước... thì đây là ngăn bên tăng ích, do không có phân biệt tự tính của tụ phước đó. Còn như nói: Cho nên, Như Lai nói nhóm phước đức; thì đây là ngăn bên tổn giảm; Vì nó không như ngôn từ, có tự tính, nhưng lại có sự tương để có thể nói lên được, vì Như Lai nói là tụ phước đức. Việc ấy, được làm sáng tỏ bằng câu: “Tu-bồ-đề! Phật pháp, Phật pháp ấy, Như Lai nói chẳng phải là Phật pháp, thì đó là ngăn bên tăng ích. “Ấy là Phật pháp”, thì đây là ngăn bên tổn giảm. Câu: “Như Lai nói chẳng phải là Phật pháp, là làm sáng tỏ nghĩa không mất”. Ấy gọi là Phật pháp, câu này làm sáng tỏ nghĩa tương ứng.

Tại sao tương ứng? Vì như đã nói: Nếu Phật pháp mà có tự tính, thì Như Lai không nói là Phật pháp, dù không nói, cũng tự nhận biết. Do vậy, nó không có tự tính, Vì dựa vào thế đế nên Như Lai mới nói là Phật pháp.

Như vậy nên biết, trong cả bảy trụ xứ, đều làm sáng tỏ nghĩa bất cộng và tương ứng.

Lại nữa, Phật pháp gồm thân Ba-la-mật, Bồ-đề phần và những Niệm xứ v.v... Nên biết, Bồ-tát lia cả hai bên ấy (nhị biên), nên đối với đối trị kia, không bị mất mát. Cho nên gọi là “không mất”.

Cú nghĩa “Địa”, có ba thứ là: Địa Tín hành, Địa Tịnh tâm, Địa Như Lai.

Ở đây, mười sáu trụ xứ trước, chỉ rõ tỏ Địa Tín hành. Trụ xứ Chứng

đạo là Địa Tịnh tâm. Sau hết cầu thành Phật là Địa Như Lai.

Cứ nghĩa “Đặt tên”, tên là “Kim Cang Năng Đoạn”. Tên này có hai nghĩa tương là:

- Nhập hạnh chánh kiến.
- Nhập hạnh tà kiến.

Kim Cang nghĩa là tinh tế, cứng chắc. Tinh tế là nhân của trí. Cứng chắc thì không hư hoại. Năng đoạn là văn, tư, tu trong Bát-nhã Ba-la-mật. Sở đoạn là như xứ cắt đứt của Kim Cang mà đoạn cho nên gọi là Kim Cang Năng Đoạn.

Lại nữa, như các hình dạng Kim Cang, thì phần đầu và cuối: rộng, phần giữa hẹp. Như thế Bát-nhã Ba-la-mật, phần giữa hẹp, tức là Địa Tịnh tâm. Phần đầu và cuối rộng, đó là Địa Tín hành, và Địa Như Lai. Ở đây làm sáng tỏ nghĩa bất cộng. Nó có chỗ y chỉ trên hết của năm cú nghĩa trước. Nên biết, cả thấy đều nương tựa vào địa.

Kinh nói: Tôi nghe như vậy: Một thuở nọ, tại khu vườn rừng Kỳ đà Cấp-cô-độc thuộc thành Xá-vệ, đức Thế Tôn cùng với đại chúng Tỳ-kheo gồm đủ một ngàn hai trăm năm mươi vị. Khi ấy, gần buổi ngọ thực, đức Thế Tôn, mặc y, mang bình bát, vào thành Xá-vệ khát thực. Sau khi vào thành theo thứ lớp khát thực xong, trở về Tinh xá, thọ thực, thu y bát, rửa tay chân như thường lệ, rồi trải tòa ngồi kiết già thân tướng ngay thẳng, mà trụ chánh niệm, không chút lay động.

Khi ấy các Tỳ-kheo đến chỗ Phật, lạy dưới chân Ngài, cùng đi nhiều theo phái bên phải ba vòng, rồi lui ra ngồi qua một phía. Lúc này, Tuệ Mạng Tu-bồ-đề, từ trong đại chúng, đứng lên, để hở vai bên phải, đầu gối bên mặt quỳ chầm đất, chắp tay, cung kính, thưa Phật: Thưa Thế Tôn! Thật là hi hữu! Đức Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri đã khéo léo hộ niệm cho các Bồ-tát và khéo phó chúc cho các Bồ-tát.

Luận rằng: Thân Tu đa la nổi tiếp mãi. Ý nghĩa này nay rõ nói rõ. Vì sao đức Thế Tôn dùng sự tịch tĩnh làm oai nghi an tọa? Đây là hiển bày, là chỉ có sự vắng lặng thì với pháp mới hiểu thấu và thuyết giảng pháp ấy. Kinh nói: “Khéo gồm thâu bậc nhất, là các đại Bồ-tát, nghĩa là Bồ-tát đã thành thực khi Phật chứng Chánh giác, chuyển xe pháp. Đây là lấy pháp Bồ-tát trong năm loại nghĩa để kiến lập. Bồ-tát có bảy điều lớn. Những chúng sinh lớn này, gọi là Ma Ha Tát Đỏa. Bảy điều lớn là:

1. Pháp lớn.
2. Tâm lớn.
3. Tin, hiểu lớn.

4. Tâm tịnh lớn.
5. Tư lương lớn.
6. Thời gian lớn.
7. Quả báo lớn.

Như trong kinh Bồ-tát Địa Trì nói: nơi trụ xứ của các Bồ-tát. Thế nào là khéo gồm thâu, thế nào là đệ nhất? Lợi lạc tương ứng, là khéo gồm thâu. Đệ nhất thì có sáu thứ nên biết:

1. Thời gian nhất.
2. Sai biệt nhất.
3. Cao lớn nhất.
4. Bền chắc nhất.
5. Trùm khắp nhất.
6. Tương chuyển đổi khác nhất.

- Thời gian là gì? Là pháp thấy ở hiện tại và vị lai. Trong ấy Bồ-tát khéo gồm thâu tức an vui là pháp hiện thấy, còn lợi là ở đời sau.

- Sai biệt là gì? Là đối với Tam Ma Bát Đế thế gian, và xuất thế gian, các bậc Thánh Thanh văn, Độc giác v.v... những sai biệt trong đây, Bồ-tát khéo gồm thâu.

- Cao lớn là sao? Sự khéo gồm thâu này không có sự nào cao hơn.

- Bền chắc là gì? Nghĩa là chỗ rốt ráo.

- Trùm khắp là gì? Là khéo gồm thâu một cách tự nhiên đối với thân mình và kẻ khác.

- Tương chuyển đổi khác là gì? Là tốt nhất, hơn hết trong việc khéo gồm thâu đối với Bồ-tát chưa thanh tịnh.

Kinh nói: “Phó chúc đệ nhất” là những Bồ-tát đã khéo gồm thâu, khi Phật sắp nhập Niết-bàn. Đây cũng lấy từ năm nghĩa mà nói Thế nào là phó chúc bậc nhất? Có sáu nhân duyên:

1. Nhập xứ.
2. Đặc pháp nhĩ.
3. Chuyển giáo.
4. Không mất.
5. Lòng thương (bi).
6. Tôn trọng.

- Nhập xứ là gì? Khéo dẫn dắt, giao phó bạn lành.

- Đặc pháp nhĩ là gì? “Các Bồ-tát đạt được pháp khéo gồm thâu, lại còn khéo gồm thâu pháp của người khác.

- Chuyển giáo là gì? Là Phật bảo: Các thầy nên khéo gồm thâu

các Bồ-tát khác”. Đó là chuyển giáo.

- Không mất là cả ba thứ trên, đúng theo thứ lớp của nó, gọi là không mất. Và Bi, tôn trọng thì thuận theo trên tự biết.

Hai thứ khéo gồm thâu và phó chúc này, làm sáng tỏ cú nghĩa chủng tánh không đứt.

Kinh nói: “Thưa đức Thế Tôn! Bồ-tát tu hành Đại thừa, nên phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác như thế nào? Nên trụ như thế nào? Nên tu hành như thế nào? Nên hàng phục tâm mình như thế nào?”

Khi ấy, Phật bảo Tu-bồ-đề: Lành thay! Lành thay! Tu-bồ-đề! Như Thầy vừa nói: Như Lai khéo hộ niệm cho các Bồ-tát, khéo phó chúc cho các Bồ-tát. Thầy hãy lắng nghe; Ta sẽ giải thích. Hàng Bồ-tát Đại thừa phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nên trụ như vậy, nên tu như vậy, nên làm chủ tâm mình như vậy...

Tu-bồ-đề thưa Phật: Thưa Ngài! Con muốn nghe”.

Luận rằng: Đây là cú nghĩa thứ hai: Phát khởi Hành tướng. Vì sao Tu-bồ-đề hỏi, có sáu nguyên do:

1. Để cắt đứt mối nghi ngờ.
2. Phát khởi tin, hiểu.
3. Muốn thâm nhập nghĩa sâu xa.
4. Để không thoái lui.
5. Để phát sinh vui mừng.

6. Để chánh pháp tồn tại lâu dài trên đời, cũng là để cho Bát-nhã Ba-la-mật này tồn tại, khiến hạt giống Phật không đứt mất.

Thế nào là khiến cho hạt giống Phật không đứt mất?

- Là nếu ai nghi ngờ thì cắt đứt mối nghi đó. Nếu có Bồ-tát chưa thành thực ưa thích phước đức, khi nghe Bát nhã Ba-la-mật có nhiều phước đức liền khởi tâm tin, hiểu. Ai đã thành thực rồi thì bước vào nghĩa thâm diệu. Đã được pháp không bị xem thường, do đó ham thọ trì, tu hành, nên có nhiều công đức, và nhờ đó không bị thoái lui. Khi đã được thâu phục theo mình và tâm thanh tịnh rồi, thì tự bước vào pháp Đại thừa này và cảm thấy sinh hoan hỷ. Do vậy, khiến cho pháp Đại thừa tồn tại lâu bền trong đời vị lai.

Tóm lại, nếu có nghi ngờ thì giúp họ hiểu, giúp các Bồ-tát đã thành thực và ưa phước đức thâu nhận. Các Bồ-tát đã được pháp, không bị xem thường (Bát nhã Ba-la-mật), thì giúp cho họ tâm siêng năng, đã được tâm tịnh thì làm cho hoan hỷ.

Kinh nói: “Nên trụ như thế nào”? - Đây là Dục và Nguyện.

- “Nên tu hành” - Là sự tương ứng Tam Ma Bát Đế.

- “Nên làm chủ tâm mình” - Đấy là điều phục sự tán loạn.
 - “Dục là mong cầu chân chính”. Nguyện là tâm mãi nghĩ tới sự mong cầu trên.
 - Tương ứng Tam Ma Bát Đế là Tam Ma Bát Đế vô phân biệt.
 - Điều phục tán loạn, là nếu Tam Ma Bát Đế bị phân tán, thì kéo giữ tâm cho nói trụ trở lại.
 - Điều thứ nhất là (nên trụ) là chỉ rõ cách thâm nhiếp đạo.
 - Điều thứ hai (tu hành) là chỉ rõ cách thành tựu đạo.
 - Điều thứ ba (làm chủ tâm) là chỉ rõ cách không làm mất đạo.
- Tại sao chỉ hỏi về phát khởi hành Bồ-tát thừa?
 Vì có ba loại Bồ-đề khác nhau. Do khéo hỏi, nên Tu-bồ-đề, được khen là Lành thay!

Kinh nói: “Phật bảo: “Tu-bồ-đề! Các Bồ-tát sinh tâm như vậy: Hết thấy có bao nhiêu chúng sinh, và những thứ thuộc về chúng sinh, hoặc loài sinh bằng trứng, loài sinh bằng thai, loài sinh do ẩm thấp, và loài hóa sinh, hoặc có sắc, hoặc không có sắc, hoặc có tướng, hoặc không có tướng. Hoặc chẳng phải có tướng, chẳng phải không có tướng, có bao nhiêu cõi chúng sinh, những thứ thuộc về chúng sinh, ta đều khiến cho vào Vô dư Niết-bàn và Diệt độ. Diệt độ cho vô lượng vô biên chúng sinh như thế, nhưng thật không có chúng sinh nào được diệt độ cả! Vì sao? Nay Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát có tướng về chúng sinh, thì không phải là Bồ-tát. Vì sao? Tu-bồ-đề! Vì nếu Bồ-tát khởi ý tưởng thấy có tướng chúng sinh, tướng Người, tướng thọ mạng, thì không gọi là Bồ-tát...”

Luận rằng: Đây là cú nghĩa thứ ba: Nơi tu hành trụ vào.

Suốt đến cuối kinh, đều có mười tám môn như trước đã nói. Nay nói đủ.

Môn Điều đầu tiên là phát tâm, kinh nói: Có bao nhiêu chúng sinh và những thứ thuộc về chúng sinh... đấy là nói bao gồm, tướng chung. Sinh bằng trứng v.v... đấy là nói sự khác nhau.

Lại nữa, thọ sinh, nơi nương tựa và cảnh giới khác nhau. Nên biết, sinh bằng trứng cho đến hóa sinh là thọ sinh khác nhau. Hoặc có sắc hoặc không có sắc... là nơi nương tựa khác nhau. Hoặc có tướng hoặc không có tướng, hoặc chẳng phải có tướng, chẳng phải không có tướng, là cảnh giới tùy thuộc có khác nhau.

- Có bao nhiêu cõi chúng sinh và những thứ thuộc về chúng sinh hết thấy các thứ tướng ấy, đang sống trong cõi chúng sinh, Phật lập ra mà nói.

- Ta đều khiến cho vào Vô dư Niết-bàn... Tại sao nguyện nghĩa

không thể có được này? Do tùy thuộc chúng sinh, nên nguyện không có lỗi mà cả thầy đều là do chúng sinh. Như nói: “Loài sinh bằng trứng v.v...” thì điều được ước nguyện vào trong số. Nhưng các loài sinh bằng trứng, sinh nơi ẩm thấp, không có tướng; chẳng phải có tướng, chẳng phải không có tướng v.v... đều không có khả năng nhập Vô dư Niết-bàn. Làm thế nào có thể khiến hết thầy chúng sinh nhập Niết-bàn?

Có ba nguyên do:

1. Khó có khả năng thì phải đợi thời cơ (gặp nạn xứ).
2. Không khó sinh khả năng (không gặp nạn xứ) mà chưa thành thực, thì khiến cho thành thực (không gặp nạn xứ).
3. Đã thành thực thì khiến được giải thoát.

Tại sao nói Vô dư Niết-bàn mà không nói thẳng là Niết-bàn?

- Nếu nói Niết-bàn không thôi thì khác chi Niết-bàn, phương tiện mà Phật đã nói với bậc Sơ thiên v.v... Hạng này do sức trượng phu của mình, dù không có Phật, vẫn chứng được, nhưng quả Niết-bàn ấy chẳng rốt ráo.

Tại sao không nói cõi Hữu dư Niết-bàn? - Vì đó là quả chung (cộng quả). Do nghiệp đời trước, lại gặp Phật nói mà chứng quả. Lại nữa, là thân khổ có sót lại không phải hoàn toàn, hoàn hảo. Như vậy Niết-bàn và Hữu dư Niết-bàn là quả của sức trượng phu, là quả chung, là quả chẳng rốt ráo, quả chẳng hoàn toàn. Cho nên nói Vô dư Niết-bàn.

“Như thế, là có vô lượng chúng sinh nhập Niết-bàn rồi”: Câu ấy chỉ rõ loài sinh bằng trứng v.v... mỗi loài đều nhiều vô lượng.

- Không có chúng sinh nào được Niết-bàn: “Câu này có nghĩa gì? Như Bồ-tát tự chứng Niết-bàn, thì vẫn không khác chúng sinh”. Vì sao? Vì nếu Bồ-tát còn có tướng chúng sinh, tức chẳng phải Bồ-tát. “Nghĩa câu này là sao? Do đối với chúng sinh, mà Bồ-tát có ý tưởng đó là kẻ khác, không phải chính mình, thì không gọi là Bồ-tát”. Tại sao vậy? Bởi Bồ-tát mà phát khởi ý niệm về chúng sinh, về người, về thọ mạng; thì không gọi là Bồ-tát. Nghĩa này như thế nào? Vì còn phiền não, mà chấp có tướng chúng sinh, mạng người chuyển tức là đã có ngã tướng. Đối với chúng sinh, lại có ý niệm, họ là kẻ khác. Khi, không còn thấy họ khác mình, thì Bồ-tát ấy, đã cắt lìa ngã kiến. Vị này chứng đắc được tự thân tự hành (hành là năm ấm), tướng bình đẳng, tin hiểu mình và người đều như nhau. Bồ-tát ấy không còn chấp thủ thấy chúng sinh, mạng, người. Đây là ý nghĩa vừa nói.

Lại nữa, kinh nói: “Các Bồ-tát sinh tâm như thế v.v...” là chỉ rõ: Bồ-tát nên trụ vào Dục, Nguyện như thế.

“Nếu Bồ-tát có ý niệm về chúng sinh, thì không phải Bồ-tát”. Câu này chỉ rõ, nên tu hành như thế, tức là lúc tương ứng với Tam Ma Bát Đế.

“Nếu Bồ-tát sinh khởi ý niệm về tướng chúng sinh, tướng người, tướng thọ mạng, thì không gọi là Bồ-tát”. Đây là chỉ rõ cách làm chủ tâm mình, không cho nó tán loạn. Nếu lúc tương ứng với Tam Ma Bát Đế mà bị phân tán, thì ý niệm về chúng sinh vẫn không thay đổi, như cảnh giới kia cùng trụ.

- Cho nên, không có chúng sinh được Niết-bàn: “Câu này là thành tựu được Dục và Nguyện là hơn hết trong việc gồm thâu các trụ xứ. Mọi hành tướng tương ứng hiện hành ở các trụ xứ khác, lúc ấy nương vào Dục và Nguyện mà nhất định đạt được. Nghĩa của Dục Nguyện không giải thích lại.

Kinh nói: Lại nữa, Tu-bồ-đề! Không trụ nơi sự tướng, mà hành bố thí; không hề trụ vào gì mà hành bố thí. Không trụ vào sắc mà bố thí, không trụ vào thanh-hương-vị-xúc-pháp, mà bố thí. Tu-bồ-đề! Bồ-tát không trụ tướng ở tướng, khi làm việc bố thí như thế. Tại sao vậy? Bởi Bồ-tát không trụ tướng mà bố thí; thì phước ấy nhiều không thể suy lường nổi.

- Tu-bồ-đề! Thầy nghĩ sao? Hư không ở phương đông có thể nghĩ lường được không? Tu-bồ-đề thưa: Bạch Thế Tôn! Không.

Phật bảo: Đúng vậy!

Tu-bồ-đề! Hư không ở các phương Nam, Tây, Bắc, bốn góc, trên dưới, có thể suy lường được chăng?

Tu-bồ-đề thưa: Bạch Thế Tôn! Không thể suy lường được.

Phật bảo: Đúng vậy, đúng vậy!

Tu-bồ-đề! Khi bố thí, Bồ-tát không trụ nơi tướng mà bố thí, thì phước đức ấy cũng như vậy, là không thể suy lường được. Phật lại bảo Tu-bồ-đề: Bồ-tát chỉ nên như thế mà hành Bố thí.

Luận rằng: Môn thứ hai là hành tướng ứng với Ba-la-mật. Từ đây trở đi, trong các trụ xứ khác, có năm thứ tùy sự tương ứng của nó mà giải thích:

1. Nương vào nghĩa.
2. Nói tướng.
3. Thâu giữ.
4. An lập.
5. Hiện hiện (làm sáng tỏ).

- Trụ xứ đối trị là nương vào nghĩa. Tức trụ xứ ấy là nói tướng.

Dục, nguyện là thâm giữ. Trụ xứ Đệ nhất nghĩa, là an lập. Tương ứng với Tam Ma Bát Đế và nhiếp giữ tâm tán loạn là Hiện hiện.

- Đối với Trụ xứ Ba-la-mật tịnh, kinh nói: “ BỒ-tát, khi làm việc bố thí, thì không nên trụ vào sự, tướng”. Đây là nương vào nghĩa, chỉ rõ cách đối trị chấp trụ.

Kinh nói: “Nên làm việc bố thí”. Đây là nói về tướng. Sáu Ba-la-mật, đều thâm vào trong thể tính của cả thủy Đàn na (Bố thí) Ba-la-mật. Đàn Ba-la-mật có ba thứ:

1. Tự mình thí (Tài thí), gọi là Đàn ba Ba-la-mật.

2. Vô úy thí, gọi là Thi La Ba-la-mật, Sần-đề Ba-la-mật.

3. Nói pháp cho người khác, gọi là Tì Lê Da Ba-la-mật, Thiển na Ba-la-mật, Bát-nhã Ba-la-mật. Nếu thiếu tinh tấn, thì khi nói pháp cho người, sẽ cảm thấy mỗi mệt, không thể nói pháp. Nếu không có thiện định thì sẽ tham lam của tín thí cúng dường, và sẽ không chịu đựng nổi giá rét, nóng bức, mà tâm ô nhiễm thuyết pháp. Không có trí tuệ, thì sẽ nói lẫn lộn, mắc nhiều lầm lỗi. Là khỏi ba điều vừa nói, thì nói pháp (pháp thí) thành tựu.

Các Ba-la-mật trên, có hai quả báo, là hiện tại và vị lai. Quả báo vị lai, thì Đàn ba Ba-la-mật sẽ có phước báo lớn, Thi la Ba-la-mật có thân đầy đủ, là thân Đế Thích, Phạm thiên, v.v... Sần-đề Ba-la-mật thì được đông đảo bạn lành, bà con giúp đỡ. Tì Lê Da Ba-la-mật thì được quả báo mãi mãi không dứt. Thiển Na Ba-la-mật thì được sanh thân không hư hoại. Bát-nhã Ba-la-mật thì được các căn nhạy bén và nhiều vui vẻ, được tự tại giữa đám đông.

- Quả báo hiện tại là được ai nấy đều tin, kính cúng dường và được pháp Niết-bàn trong hiện tại.

Với Niết-bàn hiện tại, nếu Bồ-tát thực hành bố thí để mong cầu quả mai sau, ấy là đã trụ chấp vào sự tướng khi làm việc bố thí. Như bố thí tài vật mong được lại quả báo về tài vật. Thế nên, kinh nói: “Không trụ vào sự tướng mà hành bố thí”. Nếu thực hành bố thí để mong cầu quả báo Thi La ở mai sau, vậy là bố thí có sở trụ (chỗ trụ chấp vào). Thế nên kinh nói: “Vô sở trụ (không trụ vào đối tượng nào) mà bố thí. “Quả của Thi La v.v... thì có nhiều, khó phân biệt hết, nên chỉ nói chung là có “sở trụ” trụ.

Cầu quả báo hiện tại như làm việc bố thí, để được tin tưởng, cung kính cúng dường, ấy là bố thí mà trụ vào sắc, thanh, hương, vị, xúc. Thế nên kinh nói: Không nên trụ vào sắc v.v....

Còn như thực hành bố thí, để cầu pháp Niết-bàn trong hiện tại, thì

đó là trụ pháp mà bố thí. Cho nên kinh nói: “Bố thí thì không trụ vào pháp”.

Lại nữa, kinh nói: “Nên làm việc bố thí; tức là nói nguyện mong muốn (dục, nguyện) giữ gìn bố thí.

Kinh nói: Không trụ mà hành bố thí; “không trụ” ấy là an lập Đệ nhất nghĩa. Ở đây vì không trụ nên chỉ rõ như các sự sở hữu thì Đệ nhất nghĩa không trụ; còn vật v.v... là sự sở hữu.

Kinh nói: “Bồ-tát nên hành bố thí, như vậy, không trụ tướng ở tướng chỉ rõ tương ứng Tam muội và nhiếp phục tâm tán loạn. Ở hai thời gian này không trụ tướng ở tướng.

Như vậy là đã an lập nghĩa Không trụ xong.

Hoặc có Bồ-tát không kham nổi lý không trụ, vì còn tham phước đức, vì muốn giúp cho Bồ-tát ấy, kham nổi nên. Đức Thế Tôn chỉ rõ: “Không trụ tướng ở tướng mà hành bố thí, thì phước mới nhiều như hư không”.

Có ba nguyên nhân nhiều:

1. Khấp mọi chốn, nghĩa là hành bố thí an trú ở chỗ không trụ vào tướng, mà sinh phước đức.

2. Rộng rãi, cao lớn, vượt hơn hết thấy.

3. Rốt ráo, không cùng, không bao giờ hết.

Kinh nói: “Tu-bồ-đề! Thầy nghĩ sao? Có nên thấy Như Lai bằng tướng thành tựu chăng? Tu-bồ-đề thưa: Bạch Thế Tôn: Không! Không thể thấy Như Lai bằng tướng thành tựu. Tại sao? Vì Như Lai đã nói: Tướng tức chẳng phải tướng. Phật bảo Tu-bồ-đề: Phạm hễ nói có tướng, đều là hư dối. Khi thấy tướng nói chẳng phải là tướng, ấy mới là không nói dối. Như vậy, thấy các tướng nói chẳng phải là tướng, tức là thấy được Như Lai”.

Luận rằng :

Môn thứ ba là: Mong được trụ xứ sắc thân.

Kinh nói: “Tu-bồ-đề! Thầy nghĩ sao? Có thể thấy Như Lai bằng tướng thành tựu chăng”? Đây là tướng nương vào nghĩa, đồng thời để chỉ rõ cách đối trị kiêu mạn về sắc thân Như Lai.

Kinh nói: “Tướng thành tựu”. Đây là nói về tướng, để chỉ rõ sắc thân Như Lai.

“Tu-bồ-đề thưa: không thể”. Câu ấy đã làm đầy đủ ý nghĩa này. “Đức Thế Tôn nói: Tu-bồ-đề! Phạm nói sở hữu tướng đều là nói dối. Câu này chỉ rõ Dục và Nguyện nên giữ gìn nghĩa như thế, cũng tức là an lập Đệ nhất nghĩa. Đối với Đệ nhất nghĩa, thì tướng thành tựu chỉ là

giả dối, không phải tướng thành tựu mới là không giả dối.

Kinh nói: “Như vậy các tướng, không phải là tướng, thì thấy được Như Lai”. Câu này là hiển hiện. Nghĩa là khi tướng ứng với tam muội và sự nhiếp tâm tán loạn, thì trong tướng mà chẳng thấy tướng.

Kinh nói: “Tu-bồ-đề bạch Phật: Thưa Thế Tôn! Nếu như có chúng sinh, trong đời vị lai và sau nữa, nghe được chương cú của kinh này, mà phát sinh thật tướng chẳng?”

Phật bảo Tu-bồ-đề: Đừng nên nói như vậy: Nếu như có chúng sinh, trong đời vị lai và sau nữa, nghe được chương cú của Tu Đa La này mà phát sinh thật tướng chẳng ?

Phật lại bảo Tu-bồ-đề: Hoặc như trong đời vị lai và sau nữa, có Đại Bồ-tát, khi pháp sắp diệt, mà lại có người trì giới, tu phước đức, trí tuệ, và sinh lòng tin tưởng kinh này, thì đó mới là thật.

Phật lại bảo Tu-bồ-đề: Thầy nên biết! Vị Bồ-tát ấy, không phải chỉ tu hành cúng dường ở một vị Phật, hay hai, ba, bốn, năm vị Phật; cũng không phải chỉ gieo trồng căn lành đối với một vị Phật, hay hai, ba, bốn, năm vị Phật.

Phật lại bảo Tu-bồ-đề: Vị Bồ-tát ấy, đã từng tu hành, cúng dường, đối với vô lượng ngàn muôn chư Phật và đã gieo trồng các căn lành với vô lượng trăm ngàn muôn chư Phật. Những Bồ-tát ấy, nghe được kinh này, dù chỉ một niệm, thường sinh lòng tin thanh tịnh. Tu-bồ-đề! Như Lai đều biết rõ cả thấy chúng sinh ấy, Như Lai thấy cả thấy chúng sinh ấy.

Tu-bồ-đề! Các Bồ-tát ấy, đã tạo ra vô lượng phước đức. Tại sao?

Tu-bồ-đề! Vì các Bồ-tát ấy, không có tướng ngã, tướng chúng sinh, tướng nhân, tướng thọ giả.

Tu-bồ-đề! Các Bồ-tát ấy, không có tướng pháp, cũng không phải không có tướng pháp. Không tướng, cũng chẳng phải không tướng. Tại sao? Tu-bồ-đề! Các Bồ-tát ấy, nếu chấp giữ tướng của pháp, thì đã bị vướng mắc vào ý niệm ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả.

Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát ấy, có tướng của pháp, tức là đã bị vướng mắc vào tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sinh, tướng thọ giả. Tại sao?

Tu-bồ-đề! Không nên chấp giữ pháp, cũng chẳng phải không chấp lấy pháp. Do ý nghĩa này, mà Như Lai luôn nói: Các pháp môn như bè qua sông. Pháp còn bỏ, huống nữa là phi pháp!

Luận rằng:

Môn điều thứ tư là: Mong được trụ xứ pháp thân. Ở đây có hai

thứ:

1. Pháp thân Ngôn thuyết.
2. Pháp thân Chứng đắc.

Vì muốn được pháp thân ngôn thuyết này, kinh nói:... “Bạch Thế Tôn! Lại nữa, nếu có chúng sinh ở đời vị lai và sau nữa, được nghe chương cú kinh này, v.v...” Ở trong đó chương cú Ta Đa La tức là những nghĩa vốn có nên biết.

- Cú là gì? Như đã nói ở trước, có bảy nghĩa cú. Tưởng nghĩa không điên đảo, ấy gọi là thực tướng. Nên biết như ngôn thuyết, chấp nghĩa đó không phải là thực tướng. “Tu-bồ-đề nghĩ như vậy: Ở đời vị lai, không có sinh thực tướng”. Để ngăn ý này, “Đức Thế Tôn nói: Có lúc chánh pháp sắp diệt mất, nghĩa là khi tu hành, dần dần diệt mất. Tiếp theo, vì ý nghĩa đó, Thế Tôn nêu ra năm điều:

1. Chỉ rõ việc tu hành.
2. Chỉ rõ nhân tích tập.
3. Chỉ rõ thân nhận bạn lành.
4. Chỉ rõ gồm thâu phước đức tương ưng.
5. Chỉ rõ từ trong thật tướng sẽ có được thật tướng.

Kinh nói: Có người trì giới, tu phước đức, trí tuệ... Câu này chỉ Tam học như Tăng thượng giới v.v... chỉ rõ công đức tu hành, mà công đức của thiếu dục và tri túc là trước tiên và cho đến Tam ma đề v.v...

Kinh nói: “Đã từng cúng dường vô lượng trăm ngàn chư Phật, dù chỉ một niệm tịnh tín v.v... Câu này chỉ rõ việc tập họp các nhân lành. Một lòng tịnh tín mà còn được như vậy, huống là phát sinh thực tướng.

Kinh nói: “Như Lai thấy, biết hết thấy chúng sinh ấy...” Câu này chỉ rõ thuộc về bạn lành. Biết là biết danh thân. Thấy là thấy sắc thân. Nghĩa là, trong việc đi đứng, làm việc của hết thấy chúng sinh ấy, Phật đều biết tâm họ, cũng như thấy rõ sự nương tựa, dừng nghỉ của họ.

Kinh nói: “Phát sinh là giữ lấy vô lượng phước đức...” Câu này chỉ rõ thân gom phước đức lại. Phát sinh là ngay lúc phước đức khởi sinh. Giữ lấy là giữ gìn hạt giống, khi chánh pháp sắp mất.

Kinh nói: Các Bồ-tát ấy, không có tướng ngã, tướng chúng sinh... cho đến... Nếu Bồ-tát ấy, có tướng về pháp, tức là đã dính mắc vào tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sinh, tướng thọ giả.

Tướng là chỉ rõ tướng thật, để đối trị năm thứ chấp tà. Năm thứ ấy là:

1. Ngoại đạo.
2. Nội pháp phàm phu và Thanh văn.

3. Bồ-tát tăng thượng mạn.

4. Định Cộng tướng thế gian.

5. Định Vô tướng.

- Thứ nhất các tướng ngã v.v... chuyển.

- Thứ hai tướng của pháp chuyển.

- Thứ ba tướng không thanh tịnh chuyển. Đây cũng như chấp có pháp. Người chấp có pháp nghĩa là chấp có cái vô pháp”

- Thứ tư là hữu tướng chuyển.

- Thứ năm là vô tướng chuyển.

Đối với năm điều này, Bồ-tát ấy đều không chuyển đổi. Trong đó, làm sáng tỏ việc có trì giới... cho đến sẽ sinh được nhiều phước đức v.v...

Kinh nói: “Tại sao vậy? “Đây ý nói trong đây là chấp tướng đản pháp (chỉ có pháp) và phi pháp chuyển, không phải tướng ngã v.v... chuyển; vì tướng ngã và y chỉ không chuyển. Nhưng tùy miên trong tướng ngã, thế là có chấp ngã. Cho nên kinh nói: Các Bồ-tát nếu tướng chấp giữ pháp, thì bị dính mắc vào ngã chấp. Nếu tướng vô pháp chuyển, thì vẫn có ngã chấp. v.v... những nghĩa khác trong tướng ngã v.v... chuyển còn chưa nói đến.

Kinh nói: “Nếu Bồ-tát tướng có pháp, tức vướng mắc vào ngã, v.v...” Nghĩa là chấp tự thể nối tiếp là tướng ngã; tướng Ngã sở là tướng ngã, chúng sinh. Chấp đời sống của ta cho đến già, đó là tướng về mạng sống. Lẫn lộn chấp những cõi, loài khác, đó là chấp tướng người.

Nên biết, nói “sẽ sinh tướng thật”, câu này, là nương vào nghĩa, chỉ rõ cách đối trị tướng không thật.

Câu: “Đối với chương cú của Tu Đa La này, thì đây là nói tướng, chỉ rõ pháp thân ngôn thuyết; từ đó khiến phát sinh ý niệm thật. Câu: Sẽ sinh”, thì đó là Nguyện giữ lấy.

“Thế nên, các Bồ-tát không còn tướng ngã v.v... chuyển” đây là an lập Đệ nhất nghĩa.

“Tu-bồ-đề, không nên chấp pháp, cũng chẳng phải không chấp pháp; là làm sáng tỏ khi tương ưng vừa Tam ma đề và nhiếp tâm tán loạn.

“Không nên chấp lấy pháp”, là không phân biệt về pháp thể và pháp Vô ngã.

Lại vì nghĩa trọng yếu của pháp thân, ngôn thuyết kinh nói: Chính vì ý nghĩa đó, mà Như Lai luôn nói; các pháp môn như chiếc bè qua sông; Nếu hiểu điều này thì pháp còn bỏ, hướng là phi pháp. Pháp còn

nên bỏ, do thật tướng đã sinh, huống là phi pháp thì lý chẳng cần! Tóm lại Bồ-tát muốn được pháp thân ngôn thuyết, thì không nên tạo tướng không thật.

Kinh nói: Phật bảo tuệ mạng Tu-bồ-đề! Tu-bồ-đề! Thầy nghĩ sao? Như Lai có pháp để được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không? Như Lai có thuyết không?

Tu-bồ-đề thưa: Như con hiểu nghĩa Phật nói, thì không có pháp nhất định nào, để Như Lai được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cả, cũng không có pháp nhất định, để Như Lai có thể nói. Tại sao? Vì pháp mà Như Lai nói, không thể giữ lấy, không thể nói, chẳng phải pháp, chẳng phải phi pháp. Tại sao? Vì hết thầy Thánh nhân đều nhờ pháp Vô vi mà được tên.

Luận rằng:

Đấy là nói pháp thân chứng đắc. Có hai thứ:

1. Pháp thân Trí tướng.
2. Pháp thân Phước tướng.

Vì muốn được trí tướng cho đến trụ xứ pháp thân, nên kinh nói: “Tu-bồ-đề! Thầy nghĩ sao? Như Lai có được vô thượng Chánh Đẳng Chánh giác chăng?...”

Đấy là nương vào nghĩa, chỉ rõ việc quay trở lại chấp vào Chánh giác Bồ-đề. Thuyết pháp là thuộc về Chánh giác.

Kinh nói: “Có pháp, có thể nói là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác...”

Đấy là nói tướng, chỉ rõ tiến đến đạt được pháp thân.

“Không có pháp nhất định nào”. Câu này, Tu-bồ-đề nói rõ ý của Phật, là vì Thế đế nên nói có quả Bồ-đề và người chứng quả. Ấy là nguyện muốn (dục, nguyện) giữ lấy để làm phương tiện, nên cả hai cùng có. Nhưng nếu đúng theo ý đức Thế Tôn, thì cả hai đều không có.

Để chỉ rõ ý này, kinh nói: “Như con hiểu nghĩa mà Thế Tôn nói...”

Lại nữa, kinh nói: “Tại sao vậy? Pháp Như Lai nói, không thể giữ lấy, không thể nói, chẳng phải pháp, chẳng phải phi pháp”. Thì đấy là an lập Đệ nhất nghĩa. Do nói pháp, mà biết được quả Bồ-đề; trong nói pháp ấy, đã an lập Đệ nhất nghĩa. Câu: “Không thể giữ lấy, nghĩa là chính lúc nghe”. Còn câu: “Không thể nói, là ngay khi diễn nói. Câu: Chẳng phải pháp là tính phân biệt”. Câu: “Chẳng phải phi pháp là pháp Vô ngã”.

Kinh nói: “Vì sao? Vì nhờ Vô vi nên được tên là Thánh nhân”. Vô vi là nghĩa không phân biệt, cho nên Bồ-tát hữu học được tên. Còn trong vô khởi vô tác thì chuyển y theo Như Lai gọi là thanh tịnh. Cho nên Như Lai được tên là vô học. Trong đó, nghĩa Vô vi đầu là làm sáng tỏ sự tương ứng của Tam Ma Bát Đế, và nhiếp tâm tán loạn.

Nghĩa Vô vi sau chính là Đệ nhất nghĩa, là Vô thượng giác.

Từ đây trở đi, trong cả thủy trụ xứ, đều nêu rõ ý: Nhờ Vô vi mà được tên Thánh nhân. Nên biết, ở các trụ xứ trước, chưa nói việc nhờ Vô vi mà được tên. Ở đây, đã nói xong Vô vi của Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Kinh nói: “Tu-bồ-đề! Thầy nghĩ sao? Nếu lấy bảy báu, đầy cả trong ba ngàn đại thiên thế giới, đem bố thí; Tu-bồ-đề! Thầy nghĩ sao? Thiện nam, tín nữ ấy, có được phước đức nhiều chăng?”

Tu-bồ-đề thưa: Rất nhiều. Thưa đức Thế Tôn, rất nhiều. Kẻ thiện nam, tín nữ ấy, được phước rất nhiều. Tại sao? Bạch Thế Tôn! Vì tụ phước đức cao ngời ấy, tức chẳng phải là phước đức. Cho nên Như Lai nói là tụ phước đức.

Phật bảo Tu-bồ-đề: Kẻ nam, người nữ ấy, lấy bảy báu, đầy cả trong ba ngàn đại thiên thế giới, đem ra bố thí, nhưng nếu có ai thọ trì kinh này, dù chỉ một câu kệ và giảng nói cho kẻ khác, thì phước này, sẽ hơn phước kia vô lượng không kể xiết. Tại sao? Vì hết thủy chư Phật, pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đều từ kinh này mà ra. Hết thủy chư Phật, chư Như Lai đều từ kinh này mà ra.

Tu-bồ-đề! Những gì gọi là Phật pháp ấy, tức chẳng phải là Phật pháp, mới gọi là Phật pháp.

Luận rằng:

Đây là pháp thân Phước tướng. Vì muốn được phước tướng, cho đến đạt được trụ xứ pháp thân, nên kinh nói: “Ông nghĩ sao, nếu có người lấy bảy báu, đầy cả trong ba ngàn đại thiên thế giới, đem bố thí...” Ở đây, muốn nói rõ điều gì? Tức do có pháp thân; ngôn thuyết từ đó sinh ra phước tướng Như Lai cho đến chứng được pháp thân. Đối với việc, chỉ nói một bài kệ bốn câu, mà phước đức còn nhiều như thế, huống chi hết thủy phước tướng của Như Lai có được để chứng pháp thân. Vậy thì do nguyên nhân nào, trong ngôn thuyết pháp thân, chỉ nói bốn câu, mà sinh nhiều phước đức?

Để thành tựu nghĩa này, kinh nói: “Vì sao? Vì Như Lai, vô thượng Chánh Đẳng Chánh giác, đều từ pháp này mà ra”. Trong đó tích tập đủ mười pháp hành A hàm Chư Phật, Thế Tôn từ kệ pháp này mà sinh ra.

Ấy là theo Thế đế, nên nói là Phật được sinh ra, là có Bồ-đề. Tức cả hai điều ấy, gọi là Phật pháp, vì có Bồ-đề và Phật.

Kinh nói: “Tu-bồ-đề! Phật pháp ấy, tức chẳng phải Phật pháp”.

Lại nữa, kinh nói: “Phước đức này sinh ra, hơn phước đức kia Vô lượng A tăng kỳ”. Đây là nương vào nghĩa, để chỉ rõ đối trị (chấp) phước không sinh. Trong đó “với phước này”, là nói về tướng, chỉ rõ pháp thân phước tướng. Câu: “Hơn phước kia”: Là chỉ rõ nguyện muốn (dục nguyện) giữ lấy.

Kinh nói: Bạch Thế Tôn! Tụ phước đức ấy, tức chẳng phải tụ phước đức, nên Như Lai gọi là tụ phước đức”. Và nói: “Tu-bồ-đề! Phật pháp, Phật pháp ấy, tức chẳng phải Phật pháp, nên gọi là Phật pháp”. Do tu phước đức này và Phật pháp, đã gồm thâu vào trong phước tướng Như Lai. Trong pháp thân đã an lập Đệ nhất nghĩa, vì tùy thuận Vô vi, mà được tên như vậy.

Còn việc tương ứng của Tam Ma Bát Đế và điều phục mọi loạn động, thì không nói lại nữa.

Câu: “Rất nhiều, thừa Thế Tôn, rất nhiều, thừa Tu-già-đà. Hai lời này chỉ rõ việc thâu giữ tâm, giữ tâm, do có giữ chắc tâm mình mới gọi là thọ trì. Giảng nói cho kẻ khác, là giải thích các câu, chữ, nghĩa, lý. Vô lượng là thí dụ những gì vượt hơn. A tăng kỳ là nói rõ sự nhiều. Đây đã nói xong trụ xứ Dục.

